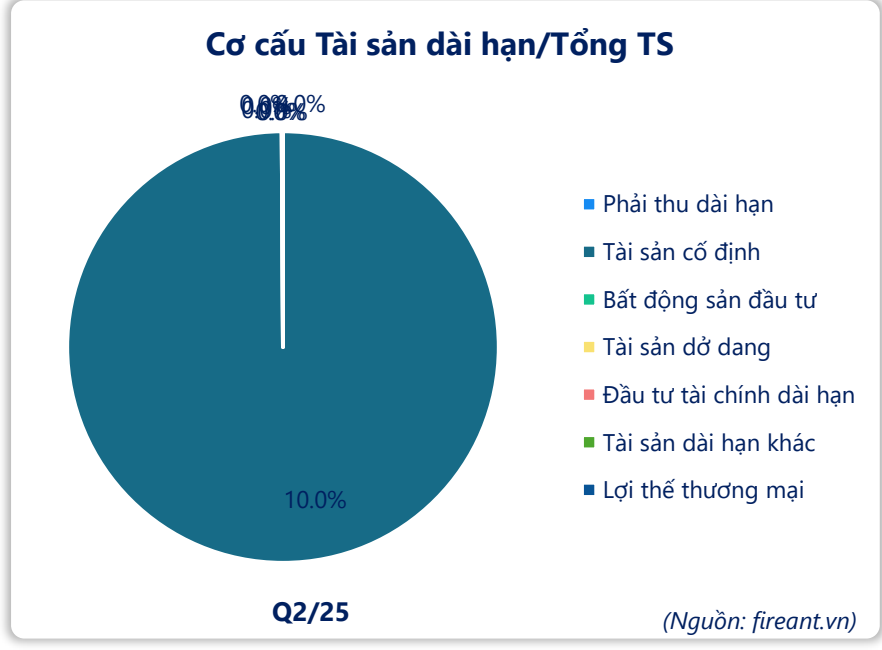
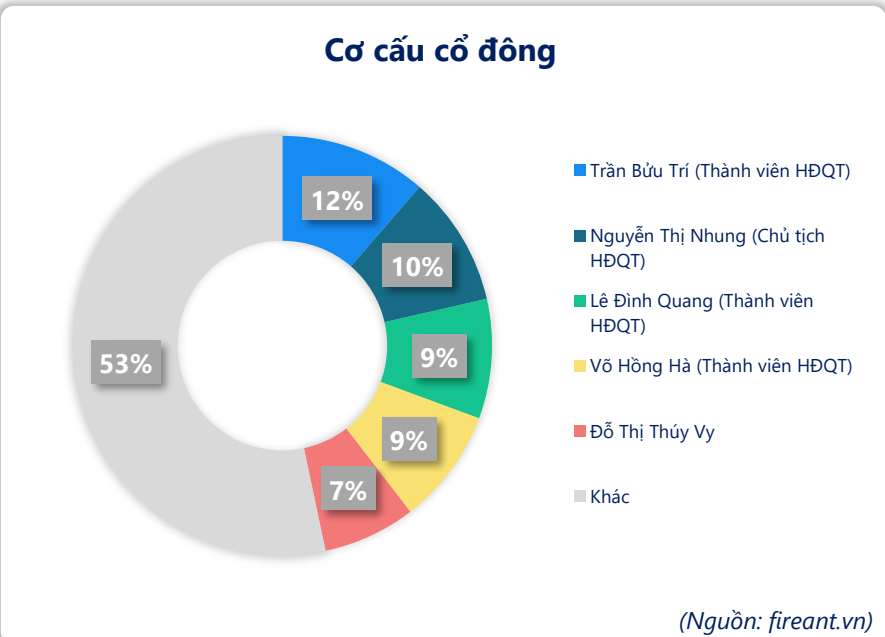
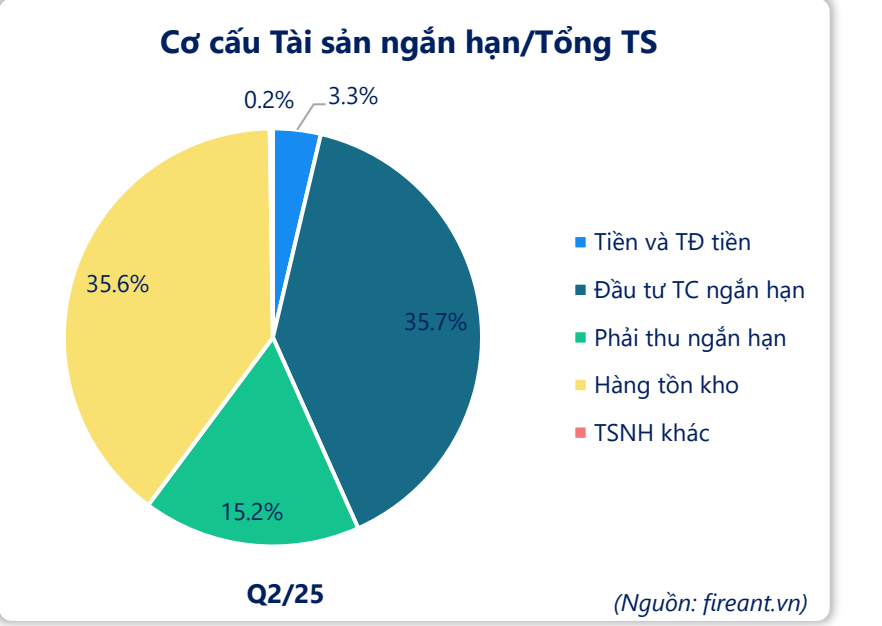
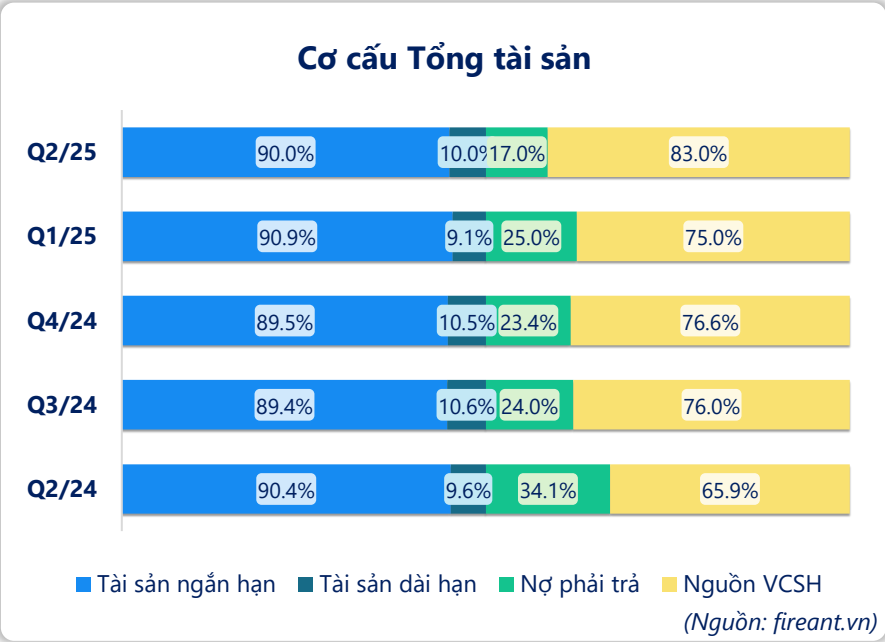
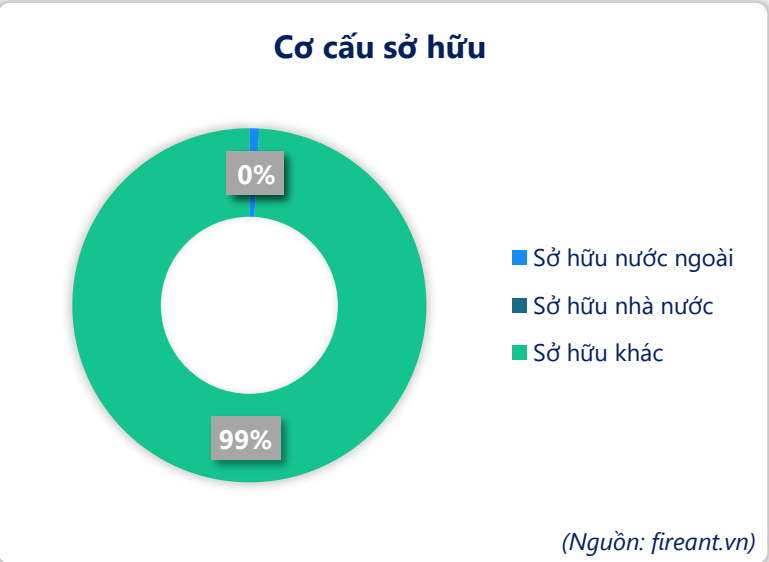
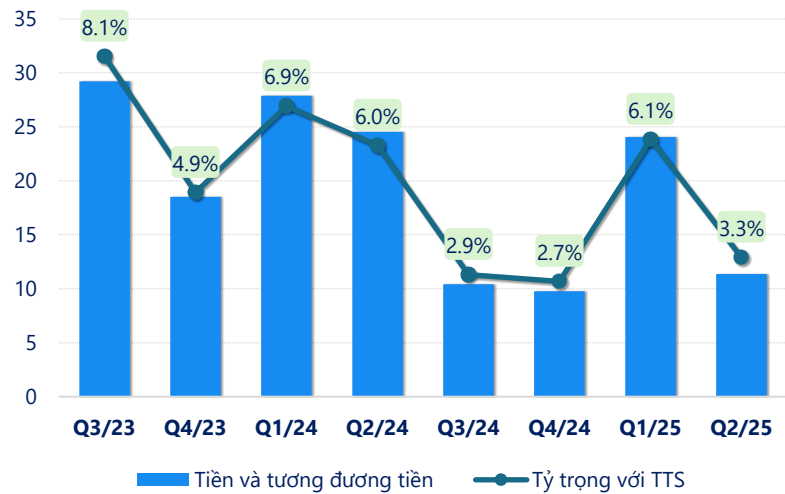


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,335
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,142
SL cổ phiếu LH		23,039,850
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,910
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		687
P/E		8.7
EPS		3,443

	YTD	1T	3T	6T
ADP	10.2%	2.1%	1.1%	11.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

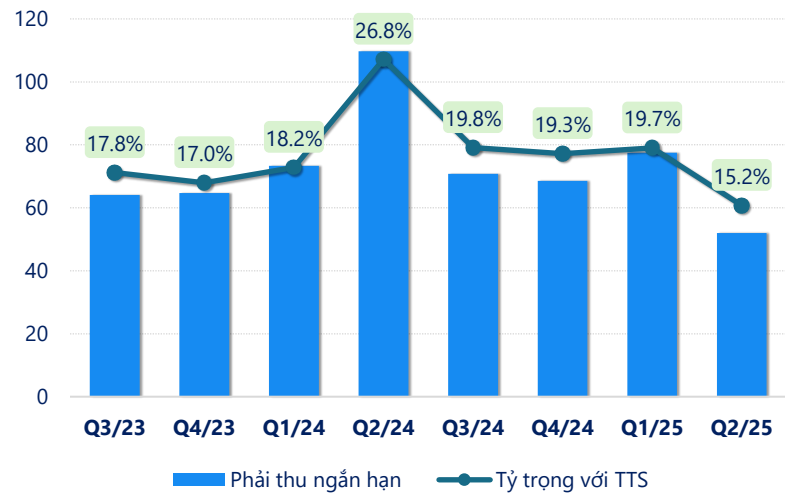


Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



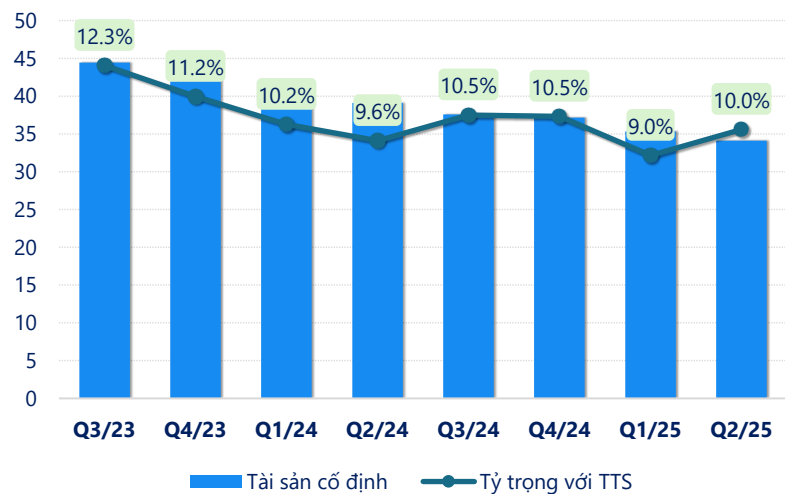
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



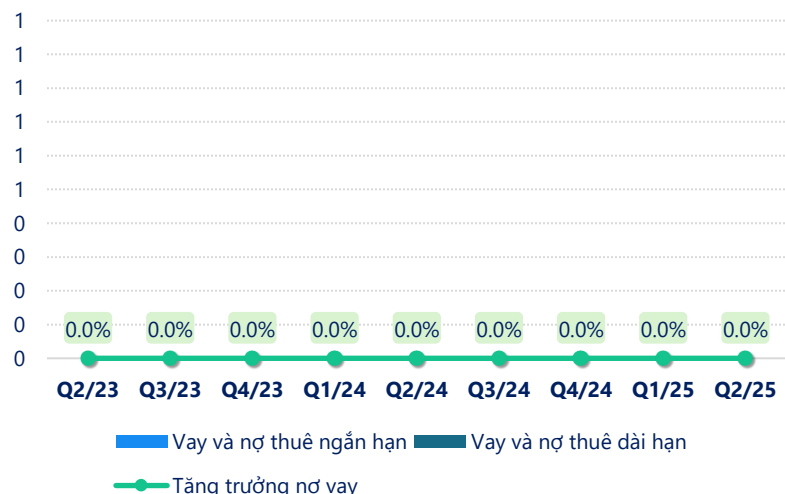
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



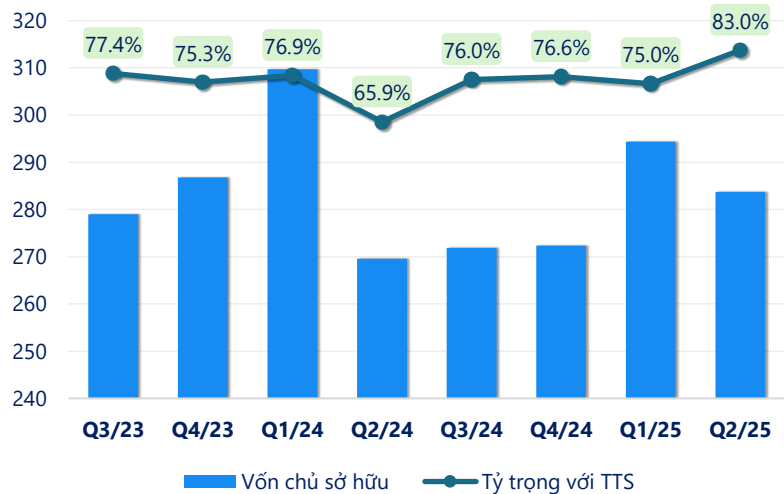
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

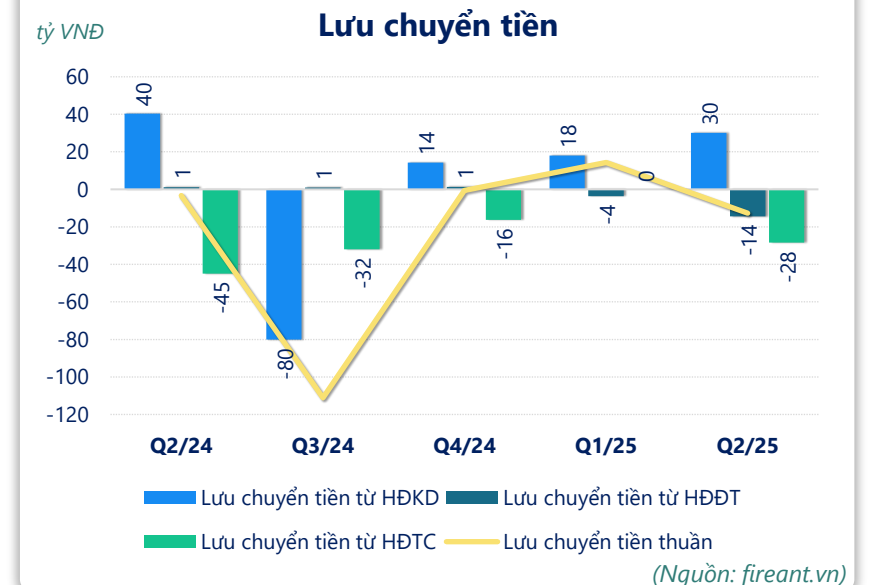
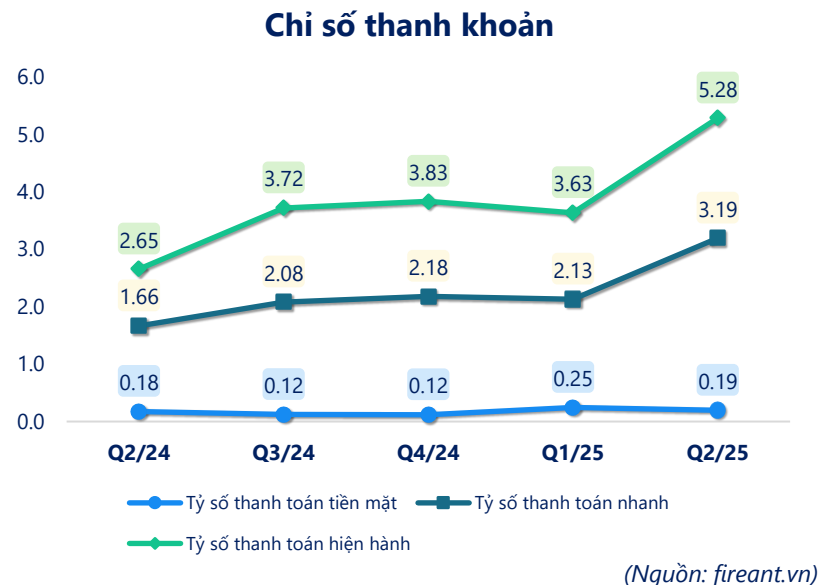
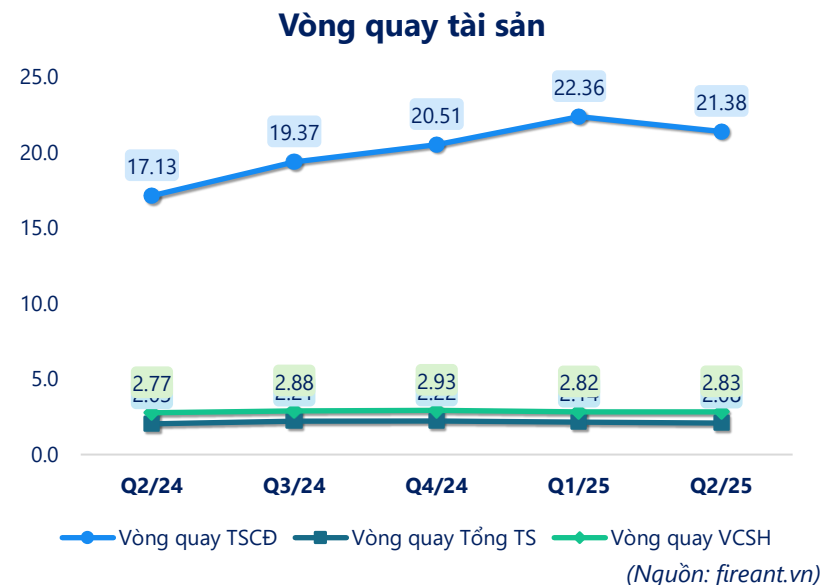
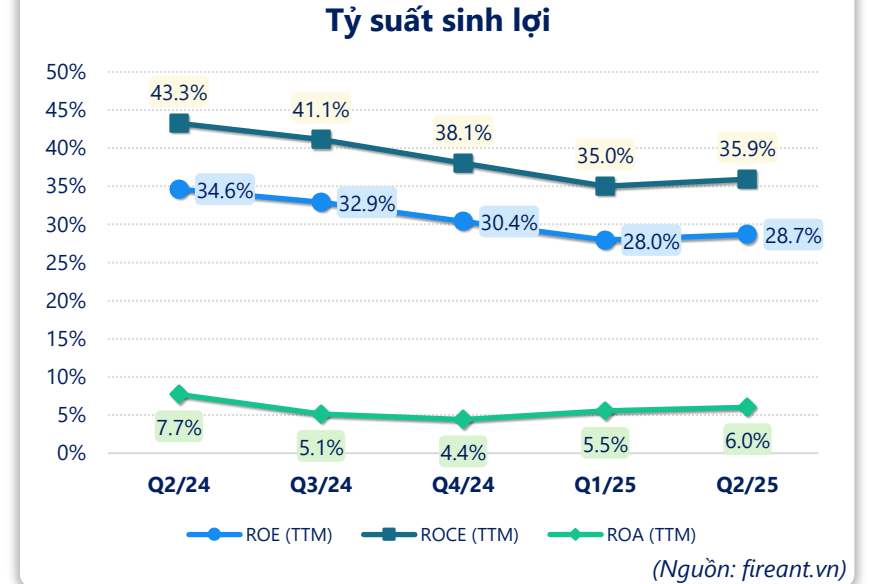
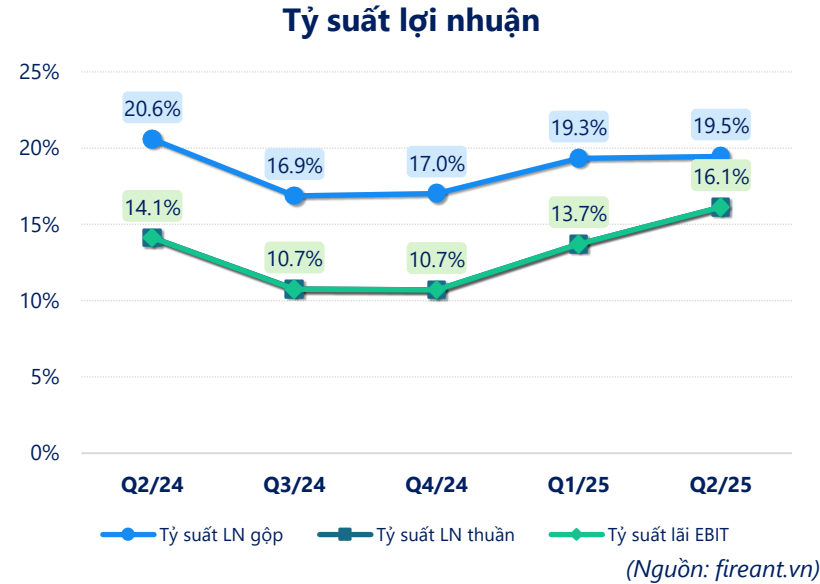
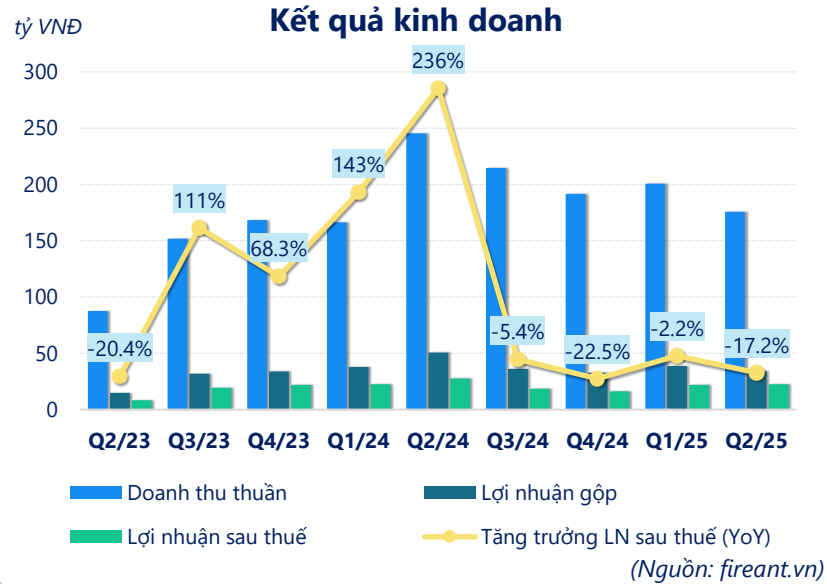


(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	342	355	-3.8%
Tài sản ngắn hạn	308	318	-3.2%
Tiền và tương đương tiền	11.4	9.76	16.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	122	102	19.6%
Phải thu ngắn hạn	51.9	68.6	-24.3%
Hàng tồn kho	122	137	-11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.75	0.64	17.6%
Tài sản dài hạn	34.1	37.2	-8.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	34.1	37.2	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.03	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	58.3	83.0	-29.8%
Nợ ngắn hạn	58.3	83.0	-29.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	34.3	55.8	-38.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	284	272	4.2%
Vốn chủ sở hữu	284	272	4.2%
Vốn điều lệ	230	230	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	245	215	192	201	176
Giá vốn hàng bán	195	178	159	162	141
Lợi nhuận gộp	50.5	36.2	32.6	38.8	34.2
Doanh thu HĐTC	1.45	1.21	2.73	0.53	2.50
Chi phí TC	0.57	0.20	0.19	0.22	1.89
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.60	4.44	5.17	5.18	2.58
Chi phí QLDN	12.1	9.68	9.48	6.39	3.88
LN thuần từ HĐKD	34.7	23.1	20.5	27.5	28.3
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.04	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	34.7	23.0	20.5	27.5	28.3
Lợi nhuận sau thuế	27.7	18.4	16.3	22.0	22.6
LNST của CĐ cty mẹ	27.7	18.4	16.3	22.0	22.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.4	-80.1	14.3	18.0	30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.14	0.94	1.33	-3.68	-14.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.9	-31.9	-16.2	0	-28.5
Tiền đầu kỳ	27.9	122	10.4	9.76	24.1
Lưu chuyển tiền thuần	-3.36	-111	-0.65	14.3	-12.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.5	10.4	9.76	24.1	11.4

(Nguồn: fireant.vn)